

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 18 / 5 / 2021  
“V/v tranh chấp hôn nhân và  
gia đình, xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lư Thị Châu Ngọc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Châu Hùng;
2. Bà Trương Thị Bích Tuyền.

**- H ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Công Trí, H ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 74/2021/TLST-HN&GD ngày 08/3/2021 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Thúy P, sinh năm 1988, địa chỉ: số 268/8, thị trấn N, huyện B, tỉnh An Giang.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1988, địa chỉ: Tổ 6, xã V, thành phố X, tỉnh An Giang.

Bà P có mặt, ông T đã được triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Thúy P trình bày:* Bà và ông T, tự tìm hiểu yêu thương và chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố X, tỉnh An Giang (Giấy chứng nhận kết hôn số 38 vào ngày 15/9/2016 do UBND xã Vĩnh tế, thành phố X chứng nhận). Trong thời gian chung sống, bà P và ông T có sinh 01 con chung tên Nguyễn Thị Anh H, sinh ngày 01/01/2015. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc bên gia

đình của mẹ ruột bà, nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi. Từ năm 2018, ông T bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay, không quan tâm tới bà và con chung.

Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông T; yêu cầu được nuôi dạy con chung tên Nguyễn Thị Anh H, sinh ngày 01/01/2015, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt hợp lệ cho ông T nhiều lần, nhưng ông T vắng mặt. Do đó không tiến hành hòa giải được.

\* Tại phiên tòa: Bà P giữ nguyên yêu cầu.

\* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, hội đồng xét xử, H ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 BLTTDS. Xác định thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 BLTTDS năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, H ký tại phiên Tòa:

Hội đồng xét xử và H ký phiên Tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không tham gia xét xử thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định Điều 227 BLTTDS 2015.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

*Qua nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa hôm nay nhận thấy:*

*Về hôn nhân:* Giữa bà P và ông T có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

Nguyên đơn bà P cho biết sau quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm, hay cãi vã. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Bị đơn ông T được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng thông qua người thân là bà Hồ Bạch Thủy (Mẹ ruột ông T), bà Huỳnh Thị Hiền (Thiếu ông T) và các bà Thủy, Hiền đã cam kết giao lại cho ông T. Tuy nhiên ông T vắng mặt không lý do suốt quá trình giải quyết vụ án nên các lần Tòa án tiến hành hòa giải đề cho vợ chồng có thời gian tìm cách giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm đều tiến hành không được, thể hiện ông không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà P cương quyết yêu cầu ly hôn. Từ đó thấy rằng, mâu thuẫn giữa vợ chồng bà P, ông T đã tồn tại từ lâu, các bên không có biện pháp gì để cải thiện, hàn gắn được tình cảm, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó việc bà P khởi kiện yêu cầu ly hôn ông T là có căn cứ chấp nhận.

*Về con chung:* Nguyễn Thị Anh H, sinh ngày 01/01/2015, hiện được bà P nuôi dưỡng, bà có yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Do đó, để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm sinh lý cho cháu H nên để cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp; ghi nhận sự tự nguyện của bà P, về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung, nợ chung:* không có, không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Từ phân tích trên căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà P; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### *Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đồng thời, bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố X. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt ông T theo quy định Điều 227 BLTTDS 2015.

#### *Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông T chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố X, là hôn nhân hợp pháp, nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Bà P xin ly hôn ông T, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hàn gắn và đã sống xa cách từ 2018 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý vụ án và thông báo hòa giải cho ông T, nhưng T không có ý kiến gì và cũng không đến tòa tham gia hòa giải, thể hiện ông không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó thấy rằng, mâu thuẫn giữa vợ chồng bà P, ông T đã tồn tại từ lâu, các bên không có biện pháp gì để cải thiện, hàn gắn được tình cảm, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà P khởi kiện yêu cầu ly hôn ông T là có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với con chung: P và ông T có sinh 01 con chung tên Nguyễn Thị Anh H, sinh ngày 01/01/2015, bà P có yêu cầu nuôi dạy. Xét cháu H đang được bà P nuôi dạy và hiện đang học tại trường mẫu giáo Hoa Sen. Do đó, để tạo sự ổn định, xét giao cháu H cho bà P tiếp tục nuôi dạy. Công nhận sự tự nguyện của bà P về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà P đã nộp, bà P không phải nộp thêm án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 228, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

*Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thúy P;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thúy P được ly hôn ông Nguyễn Quốc T.

[2] Về con chung: Bà Phạm Thị Thúy P được tiếp tục nuôi dạy con chung Nguyễn Thị Anh H, sinh ngày 01/01/2015 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động; Ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Phạm Thị Thúy P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Quốc T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Thúy P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2019/0004335 ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X, bà P đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Quốc T không phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình.

[4] Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 15 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã V, thành phố X, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[5] Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà P có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông T là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. X (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.X (1);
- Các đương sự;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lư Thị Châu Ngọc**